

Số: 106/BC-THTL

Tân Long, ngày 24 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 467/KH-PDĐT ngày 27 tháng 06 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường TH Tân Long báo cáo thường niên năm học 2024 – 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GD.

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH Tân Long, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Ấp 2, xã Tân Long, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.

Thư điện tử: th-tthanlong@pg.sgdbinhduong.edu.vn.

Trang web: <http://thtanlong.phugiao.edu.vn>

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục. Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường TH có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tư hao là học sinh trường TH Tân Long, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống.

4. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đỗ Huyền Thục Nữ Thụy Băng Châu

Số điện thoại: 0914557276

Thư điện tử: bangchau-thtl@pg.sgdbinhduong.edu.vn

5. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập trường TH thuộc huyện Phú Giáo Tỉnh Bình Dương số 65/2001/QĐ-UB NGÀY 08/02/2001 của ủy ban nhân

dân huyện Phú Giáo.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường số 3666/QĐ-UBND ngày 1/08/2024 v/v kiện toàn Hội Đồng Trường TH Tân Long (nhiệm kỳ 2022 -2026);

c) Quyết định số 498/QĐ-UBND NGÀY 31/05/2021 của ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc xếp hạng trường TH.

d) Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 v/v tổ chức lại trường TH Tân Long trực thuộc Ủy Ban Nhân dân huyện Phú Giáo.

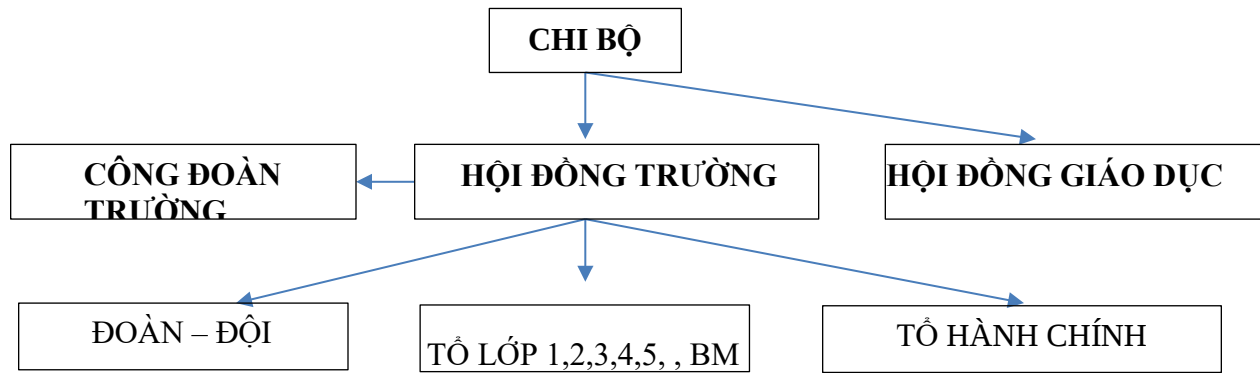
e) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

+ Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 1294/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện Phú Giáo về việc bổ nhiệm công chức.

+ Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số: 4196/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Phú Giáo về việc bổ nhiệm công chức.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

+ Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GD NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc có thời hạn và không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số CBGVNV	45	45				31	5		6	
I	Giáo viên	34	34				31	3			
	Giáo viên dạy lớp	27	27				26	1			
1	Mĩ thuật	0	0				0				
2	Thể dục	2	2				1	1			
3	Âm nhạc	1	1					1			
4	Tiếng nước ngoài	3	3				1	3			
5	Tin học	1	1				1				
II	Cán bộ quản lý	2	2				2				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1				
III	Nhân viên	9	9								
1	Nhân viên văn thư										
2	Nhân viên kế toán	1	1					1			
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1	1					1			
5	Nhân viên thư viện-TB-CNTT	1	1					1			
6	Phục vụ	2		2						2	
7	Bảo vệ	3		3						3	
8	Nhân viên thiết bị										
9	Phụ trách đội	1	1				1				

10	Phụ trách phòng leeb, QLPM										
----	-------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27	1 phòng/ 1 lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10250	12m ² / hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3264	3.8m ² / hs
VI	Tổng diện tích các phòng	2785	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1729	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	124	
3	Diện tích thư viện (m ²)	124	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	27	0.7 bộ/ 1 lớp
1	Khối lớp 1	5	
2	Khối lớp 2	6	
3	Khối lớp 3	5	
4	Khối lớp 4	6	
5	Khối lớp 5	5	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)		
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)

X	Nhà bếp	210 m²
XI	Nhà ăn	430 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		0.1m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		

Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1			X		
Tiêu chí 3.2			X		
Tiêu chí 3.3			X		
Tiêu chí 3.4			X		
Tiêu chí 3.5			X		
Tiêu chí 3.6			X		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1			X		
Tiêu chí 4.2			X		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			X		
Tiêu chí 5.2			X		
Tiêu chí 5.3			X		
Tiêu chí 5.4			X		
Tiêu chí 5.5			X		

TT	Tiêu chuẩn	Tổng số tiêu chí	Đã hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả số lượng tiêu chí Tự đánh giá đạt theo yêu cầu					Ghi chú
			Số lượng	%	Số lượng	%	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	
1	Tiêu chuẩn 1	10	10/10	100	10/10	100			10/10			
2	Tiêu chuẩn 2	4	4/4	100	4/4	100			4/4			
3	Tiêu chuẩn 3	6	6/6	100	6/6	100			6/6			
4	Tiêu chuẩn 4	2	2/2	100	2/2	100			2/2			
5	Tiêu chuẩn 5	5	5/5	100	5/5	100			5/5			
	Cộng											

Kết luận:

+ Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: mức 2 vào tháng 12/2021 QĐ Số:1860/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2021.

+ Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ: 1 tháng 12 năm 2021 QĐSố:3263/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 31/12/2021 của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến, chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm trường tự đánh giá.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

Thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế học kỳ I, năm học 2024-2025

Kết quả HKI:

Môn học	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C
T Việt	42	73	10	51	104	0	50	111	3	48	97	2	45	122	1
Toán	52	64	9	55	100	0	43	116	5	50	94	3	46	115	6
Đ đức	5	70	0	75	80	0	68	96	0	80	67	0	90	78	0
TNXH	54	71	0	74	81	0	57	107	0						
K học										71	76	0	76	92	0
LS,ĐL										71	76	0	76	92	0
Ânhạc	41	84	0	51	104	0	50	114	0	39	108	0	41	127	0
Mthuật	41	84	0	42	113	0	49	115	0	42	105	0	49	119	0
HĐTN	50	75	0	71	84	0	72	92	0	75	72	0	93	75	0
GDTC	51	74	0	46	109	0	94	70	0	38	109	0	122	46	0
CNghệ							64	100	0	77	70	0	80	88	0
T học							43	121	0	43	104	0	54	114	0
T Anh	17	93	15	25	111	19	36	109	19	29	101	17	57	101	10

Năng lực	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
TC và TH	54	69	2	67	88	0	57	106	1	74	73	0	96	72	0
GT và HT	53	70	2	64	91	0	61	102	1	79	68	0	94	74	0
GQVĐ và ST	52	71	2	55	100	0	61	102	1	66	79	2	73	95	0
Ng ngữ	45	70	10	56	99	0	55	107	2	49	96	2	69	99	0
Tính toán	52	65	8	61	94	0	45	115	4	50	94	3	69	97	2
Khoa học	53	72	0	68	87	0	59	105	0	63	84	0	78	90	0
Công nghệ							72	92	0	77	70	0	91	97	0
Tin học							57	107	0	53	94	0	69	99	0
Thẩm mỹ	49	76	0	50	105	0	49	115	0	60	87	0	77	91	0
Thể chất	55	70	0	50	105	0	89	75	0	62	85	0	115	53	0

Phẩm chất	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Yêu nước	89	36	0	89	66	0	72	92	0	110	37	0	124	44	0

Nhân ái	78	47	0	88	67	0	73	91	0	97	50	0	115	53	0
Chăm chỉ	67	58	0	76	79	0	66	97	1	74	73	0	91	77	0
Trung thực	69	55	1	81	74	0	73	91	0	88	59	0	110	58	0
Trách nhiệm	56	67	2	80	75	0	64	99	1	77	70	0	107	61	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024, quý I năm 2025)

Ngân sách nhà nước năm 2024					
STT	Nguồn	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT giữ lại	DT còn lại
1	Kinh phí thường xuyên	9.059.065.000	3.352.136.000	0	714.254.444
2	Kinh Không thường xuyên	9.059.065.000	9.021.987.709	32.000.000	5.077.291
3	Kinh phí khen thưởng	221.146.000	221.143.120	0	2.880
4	Tổng	18.339.276.000	12.595.266.829	32.000.000	719.334.615

Ngân sách nhà nước quý 1/ 2025					
STT	Nguồn	DT năm trước chuyển sang	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT còn lại
1	Kinh Không thường xuyên	357.245.000	1.133.876.000	113.537.930	1.377.583.070
2	Kinh phí thường xuyên	5.077.291	9.975.911.000	2.406.084.554	7.574.903.737
3	Tổng		11.109.787.000	2.519.622.484	8.590.164.516

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Năm 2025				
STT	Nguồn	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs	1.933.758.000	1.933.758.000	0
	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	490.678.866	490.678.866	0
2	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	765.582.280	765.582.280	0

3	vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	66.763.200	66.763.200	0
1	Tổng	3.256.782.346	3.256.782.346	0

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Quý 1/2025				
S TT	Nguồn	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs	585.000.000	584.662.875	337.125
	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	147.165.091	147.165.091	0
2	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	57.541.400	51.902.343	5.639.057
3	vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	38.775.000	27.571.600	11.203. 400
1	Tổng	828.481.491	811.301.909	17.179. 582

Công tác bán trú: Trong năm học nhà trường thực hiện công khai trực tuyến thực đơn học sinh ăn bán trú hàng ngày, hàng tuần trên nhóm lớp bán trú để PHHS nắm và biết chế độ ăn trưa, ăn xế của học sinh.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Tổng số lớp: 23, tổng số HS đầu năm: 757/344 nữ, Số HS đến tháng 01/2025: 759/348 nữ, tăng 2 HS so với đầu năm. HS khuyết tật: 1, HS dân tộc: 16 nữ, cụ thể như sau:

Tổ	Đầu năm			Đến cuối tháng 12		Tăng		Giảm		HSKT		HSDT	
	Số lớp	TS	Nữ	TS	Nữ	SL	Lý do	SL	Lý do	SL	Nữ	SL	Nữ
1	4	123	59	125	60	2/1						1	0
2	5	155	71	155	71							5	3
3	5	163	72	164	72	1						3	2
4	4	147	67	147	67					1		3	1
5	5	169	75	168	75			1				4	2
TC	23	757	344	759	345	3/1	C đến	1	C đi	1		16	8

Duy trì sĩ số học sinh đầu năm đến cuối HKI, không có học sinh bỏ học; số học sinh tang 02 em so với đầu năm.

2.Học sinh: Tham gia Phong trào cấp huyện, Tỉnh, quốc gia đạt cụ thể:

Những kết quả đạt được HKI

Phong trào Cấp trường	Phong trào Cấp huyện
SKKN trường đạt 24	Tham gia cấp huyện 15 SKKN
2 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi Xã Tân Long.	Chi bộ: tập thể đạt HTTNV năm 2024

Thi T.Anh IOE cấp trường đạt: 61 HS (trong đó Khối 3: 14 HS, Khối 4: 26 HS, Khối 5: 21 HS).	Chi đoàn: tập thể Đạt 1 tập thể, 1 cá nhân (BTCĐ) giấy khen huyện đoàn đạt thành tích HTXS trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi huyện Phú Giáo năm 2024
Tổ chức hội thi «Trang trí ảnh mai, cành đào»: Đạt 5 giải nhất	-Tham gia Ngày Hội CNTT-STEM do phòng GD tổ chức ngày 27,28/12/2024 đạt 2 giải (1 giải nhì, 1 giải khuyến khích). 2 cá nhân đạt Giáo viên trẻ tiêu biểu huyện Phú Giáo năm 2024
Tổ chức học sinh toàn trường tìm hiểu về lịch sử Bác và thi rung chuông vàng tìm hiểu về lịch sử Bác Hồ kết quả đạt 5 giải nhất, 5 giải nhì, 5 giải ba, 7 giải khuyến khích.	1 học sinh lớp 5 tiêu biểu tham gia tuyên dương học sinh tiêu biểu cấp huyện :Em Trần Đại Phú
Tổ chức thi Olympic Tiếng Anh vòng trường, kết quả đạt 04 giải nhất, 04 giải nhì, 03 giải ba, 22 giải Khuyến khích.	Tham gia HKPĐ đạt môn điền kinh, đá cầu, bóng bàn đạt: Giải nhất chạy tiếp sức hỗn hợp 4x50m nam nữ; Giải nhì chạy 60m nam; Giải ba chạy tiếp sức 4x50m nữ; Giải nhì đá cầu đôi nam; Giải ba đá cầu đơn nam; Giải ba bóng bàn đôi nữ.
Tổ chức thi IOE Tiếng Anh qua mạng Intrenet vòng trường, kết quả đạt 64 em tham gia cấp huyện	Tham gia hội thi “Nhà sử học nhỏ tuổi” 2 giải khuyến khích.

2. Hoạt động khác:

-Thực hiện tốt các công tác vận động ủng hộ, nhân đạo từ thiện do cấp trên và địa phương tổ chức. Kết quả:

- + Mua chổi ủng hộ người mù trị giá 1.485.000 đồng;
- + Mua tắm ủng hộ người mù trị giá: 2.100.000 đồng;
- + Ủng hộ quỹ tương trợ: 5.980.000 đồng;
- + Quỹ khuyến học của trường: 552.000 đồng
- + Quỹ Chữ thập đỏ của trường: 552.000 đồng
- + Ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai: 2.640.000 đồng;
- + Ủng hộ Đồng bào Miền Bắc bị cơn bão số 3 với số tiền 17.370.000 đồng.
- +Tuyên truyền vận động quỹ Ủng đồng bào Miền Bắc 2 đợt gồm có 44 CB.GV.NV và 756 học sinh với tổng số tiền: 35.273.536 đồng.
- +Tổ chức giao lưu văn hóa văn nghệ với tiếng hát “Trái tim không tụt nguyên” liên đội đã giúp đỡ cho các em có hoàn cảnh kém may mắn với số tiền

ủng hộ 7.630.000đ.

+ Gây quỹ cây mùa xuân: 9.000.000 đồng/ 30 suất mỗi suất 300.000đồng.

Tổng cộng: 45.192.000 đồng.

+ Phối hợp với các ban ngành tặng học bổng và quà cho những em có thành tích học tập tốt và những em có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả: Tổng giá trị thành tiền 53.301.000 đồng, Cụ thể: Trao học bổng, quà cho học sinh khó khăn trong ngày Lễ khai giảng “Tiếp sức học sinh đến trường; cho 69 học sinh nghèo, cận nghèo, khó khăn” do các nhà tài trợ trao: CBQL huyện; Hội Liên hiệp phụ Nữ xã Tân Long; Công ty Hoàng Quảng cáo Minh Hiếu, Đoàn Thanh Niên và 6 MTQ trao tặng; trong đó gồm có: 100 quyển tập trắng, 32 bộ đầm phục, 32 bộ quần áo TD, 6 suất học bổng 6.000.000đ; 8 suất học bổng 500.000đ; 3 suất học bổng 3.000.000đ;

- Vận động mạnh thường quân hỗ trợ bánh tổ chức “Tết trung thu” cho 756 em, tổng số tiền 5.205.000 đồng.

*** Phòng chống tai nạn thương tích, dịch bệnh**

Phối hợp với trung tâm y tế xã tập huấn cho đội thiếu niên xung kích về cách phòng chống tai nạn thương tích như đuối nước, điện giật, tai nạn giao thông... Thường xuyên tuyên truyền giáo dục học sinh không chơi các trò chơi nguy hiểm, bạo lực. Nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước những tai nạn có thể xảy ra trong cuộc sống. Phối hợp với trạm y tế tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván – Bạch hầu cho học sinh lớp 2 (84 em), Tiêm ngừa sởi cho HS từ lớp 1 đến lớp 5 (105 em) Khám bấu cổ cho; Khám bấu cổ học sinh lớp 3,4,5(tổng: 478 HS) nghi ngờ 14 học sinh, GVCN báo PHHS cho em có DS đi khám chuyên khoa, để xác định và điều trị, đảm bảo sức khỏe cho HS.

*** Vệ sinh môi trường**

Giáo dục học sinh nâng cao ý thức bảo vệ môi trường qua các việc làm thiết thực gần gũi trong cuộc sống như: Không xả rác bừa bãi trong sân trường, lớp học. Không phá hoại cây xanh. Tham gia lao động vệ sinh sân trường một tuần một lần. Trồng hoa, cây xanh tạo bóng mát, vẻ đẹp trên sân trường. Trang trí lớp học. Thực hiện phong trào kế hoạch nhỏ: thu gom rác, giấy có thể tái chế. Thực hiện tốt công tác phân loại rác thải tại đơn vị.

*** An toàn giao thông**

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục các em trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể. Lồng ghép vào chương trình giảng dạy. Phối hợp ban ATGT địa phương tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn các em. Công ty Hôn Đa 158 mũ bảo hiểm cho 158 học sinh lớp 1. Tuyên truyền 100% học sinh và CB.GV.NV cam kết tuân thủ thực hiện tốt ATGT theo NĐ 168/2024. Ban an toàn giao thông.

*** Hoạt động Đoàn- Đội – Sao nhi đồng**

- Cũng cố các hoạt động của Chi đoàn, Liên đội ngay từ đầu năm học. Tổ chức tốt Đại hội Chi đoàn, Đại hội Liên đội đầu năm. Xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện trong năm học. Triển khai chương trình rèn luyện Đoàn viên, nhi đồng và đội viên. Đẩy mạnh hoạt động Đoàn, đội, sao nhi đồng, nâng cao chất lượng sinh hoạt cả về nội dung lẫn hình thức, thực hiện tốt chương trình rèn luyện đội viên.

- Tổng số:

+ Đoàn viên: 11

+ Đội viên : 316/142 nữ

+ Thiếu niên lớp 3: 163/72 nữ

+ Sao nhi đồng: 280/131nữ/ 46 sao.

- Tổ chức sinh hoạt Đoàn đội, sinh hoạt sao: đã tổ chức tuy nhiên chưa được thường xuyên.

3. Giáo viên.

- Đạt 2 giáo viên trẻ tiêu biểu cấp huyện năm 2024 -2025 số 168/QĐ-ĐTN ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành huyện đoàn Phú Giáo.

- Đạt 1 giáo viên tổng phụ trách Đội được tặng Bằng khen số 493/QĐ-UBND tỉnh Bằng khen ngày 4/4/2025.

4. Tập thể, đơn vị

Ban Chấp hành Chi Đoàn trường đạt giấy khen số 171/QĐ-ĐTN ngày 29/11/2025 đã có thành tích xuất sắc công tác Đoàn và phong trào thiếu nhi năm 2024.

Liên Đội trường TH Tân Long đạt giấy khen số 447/QĐ-UBND ngày 25/2/2025 đã có thành tích xuất sắc công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm 2023- 2025.

Tập thể trường đạt giấy khen số 184/QĐ-PGDĐT ngày 28/12/2025 đạt giải nhì nội dung thi tuyển phẩm tuyên truyền Ngày hội CNTT và Stem Ngành GD và ĐT Phú Giáo.

Trên đây là báo cáo thường niên từ tháng 9 /2024 đến tháng 4/2025 của Trường Tiểu học Tân Long./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Phú Giáo (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Huyền Thục Nữ Thụy Băng Châu

